

## BAO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

---

Ban Giám đốc trình bày báo cáo này kết hợp với báo cáo tài chính tài trợ kiểm toán của Công ty Cổ phần Công Nghiệp Tung Kuang cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

### 1. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

– Các thành viên Hội đồng quản trị đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

1. Ông LIU CHENG MIN	Chủ tịch
2. Ông CHAN CHUN SHUNG	Phó chủ tịch
3. Ông HSU WEN CHUAN	Ủy viên
4. Ông MA CHIA LUNG	Ủy viên
5. Ông TSAN HSUN LIN	Ủy viên
6. Ông JAN CHUN SHION	Ủy viên
7. Ông LIU CHIEN HUNG	Ủy viên
8. Ông LIU CHIEN LIN	Ủy viên

– Các thành viên Ban Giám Đốc đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

1. Ông TSAN HSUN LIN	Tổng Giám Đốc
2. Ông HSU CHIH CHENG	Phó Tổng Giám Đốc
3. Ông LIU CHIEN HUNG	Phó Tổng Giám Đốc

### 2. Giới thiệu tình hình hoạt động của công ty

– Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang là công ty cổ phần 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 472033000244 ngày 05 tháng 04 năm 1995 và thay đổi lần 1 ngày 18 tháng 09 năm 2007 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Nông Nghiệp.

+ Trú sở hoạt động của Công ty : Khu Công Nghiệp Biên Hòa II, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

+ Hình thức hoạt động : Công ty cổ phần 100% vốn đầu tư nước ngoài.

– Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Nghệ An:

+ Trú sở hoạt động của Chi nhánh: Toà 13; Nông Trường Thắng Tâm, Quận Cẩm Lệ Tp. Nghệ An;

+ Hình thức hoạt động : Nôn vì phụ thuộc.

– Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Hải Phòng là đơn vị hạch toán nội bộ, trước thuộc Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 472033000244 ngày 05 tháng 04 năm 1995 và thay đổi lần 1 ngày 18 tháng 09 năm 2007 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Nông Nghiệp.

+ Trú sở hoạt động của Chi nhánh: Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Phòng;

+ Hình thức hoạt động : Nôn vì phụ thuộc.

## BAO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Nhân Trạch:
  - + Trại sản xuất nông Chi nhánh : Khu công nghiệp Nhân Trạch I, huyện Nhân Trạch, tỉnh Ninh Hải;
  - + Hình thức hoạt động : Nông và phi thuốc.
- Công ty TNHH Tung Yang, công ty con của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang, là công ty 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 35/GP-HĐ ngày 02 tháng 10 năm 2003 và Giấy phép kinh doanh số 35/GPNC1-HĐ ngày 04 tháng 03 năm 2005 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp.
  - + Trại sản xuất nông : Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương;
  - + Hình thức hoạt động : Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài.
- Hoạt động chính của Công ty :
  - Sản xuất các sản phẩm nhóm ô tô dùng thanh nhôm, ống nhôm, lái nhôm, lõi nhôm và thực hiện các dịch vụ thiết kế sửa chữa và lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm;
  - Sản xuất các phụ kiện nhà phục vụ lắp đặt các sản phẩm bằng nhôm: sợi thủy tinh, bánh xe trượt băng nhựa, tay nắm khóa và bản lề cửa;
  - Các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực y tế (giường nhôm cho người tàn tật, xe lăn, giường bệnh viện, tủ thuốc); các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực thể dục thể thao (xe tập thể dục đa năng, xe đạp nhôm, vợt tennis và các thiết bị khác); xử lý bề mặt các sản phẩm bằng kim loại nhôm (sơn tĩnh điện).
- Tổng số nhân viên : 270 người.

### 3. Tình hình tài chính (Đơn vị tính : VNĐ)

- Tài sản : 502.165.457.737 VNĐ
- Nợ phải trả : 261.633.853.744 VNĐ
- Vốn chủ sở hữu : 239.203.043.962 VNĐ
- Lợi ích của chủ sở hữu : 1.328.560.031 VNĐ

### 4. Kết quả hoạt động (Đơn vị tính : VNĐ)

- Tổng thu nhập : 713.088.093.464 VNĐ
- Tổng chi phí và giải vốn : 692.600.580.935 VNĐ
- Lợi (lỗ) trước thuế : 20.487.512.529 VNĐ

### 5. Kiểm toán

- Công ty Kiểm toán & Dịch vụ Tin học (AISC) nước ngoài thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang cho niên độ kế toán kết thúc và ngày 31/12/2007.

## BAO CAO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

---

### 6. Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm và việc lập và trình bày trung thực hợp lý các Báo cáo tài chính của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Ban Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị số sách tài sản lâu năm của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc 31/12/2007.
- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khai năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, số liệu có bản chất trọng yếu hay bất thường nào mà phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Không có bất kỳ số liệu hay thông tin bất thường nào xảy ra kết thúc ngày 31/12/2007 nên thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến số liệu nhằm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.
- Các chính sách kế toán được lựa chọn thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giải thích rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Chung toàn, các thành viên Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng các báo cáo tài chính đính kèm, xét trên phương diện trọng yếu, đã được soạn thảo và trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng luân chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Công Nghiệp Tung Kuang cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

### Thay mặt Ban Giám đốc

---

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TSAN HSUN LIN**

*Nông Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2008*

## BIỂU CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **HỘI NÔNG QUÂN TRÒ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2007, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang từ trang 05 đến trang 22 được soạn thảo theo hệ thống chế độ kế toán Việt Nam ban hành.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc Nôn và trách nhiệm của Kiểm Toán Viên.**

Việc soạn thảo báo cáo tài chính thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc của Quý Nôn và. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở của việc kiểm toán**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán nhằm phát hiện sai sót năm báo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng sai sót trọng yếu.

Trên căn bản các thông tin, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu và công bố trên báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc nắm giữ các nguyên tắc và phương pháp kế toán để kiểm tra áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng để kiểm tra thể hiện bởi Ban Giám đốc của Quý Nôn và, cũng như nắm giữ các tài liệu trình bày này như các thông tin trên báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Tại thời điểm 31/12/2007 hầu hết các khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty TNHH Tung Yang chưa được ghi nhận và có sai sót nhỏ đối với các nội dung có liên quan.

Nhờ chúng tôi đã nêu tại mục V.11 và VI.20 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, do Nôn và chưa thông nhất với Cục thuế Nông Nại về việc truy thu các khoản giảm năm 2004 và 2005 nên chưa ghi nhận vào sổ sách các khoản thuế phải nộp từ năm 2004 đến năm 2007.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài những ảnh hưởng nêu trên, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng luân chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2008*

**Giám Đốc AISC**

**Kiểm Toán Viên**

**NGUYỄN QUANG TUYẾN**

Chứng chỉ KTV số 0113/ KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**NGUYỄN HỮU TRÍ**

Chứng chỉ KTV số 0476/ KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**BẢNG CÂN NỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số: TM	31/12/2007	01/01/2007
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>266.248.778.598</b>	<b>248.845.773.574</b>
<b>I. Tiền và các khoản tổng nợ ngắn hạn</b>	<b>110</b>	<b>27.922.290.341</b>	<b>18.918.414.508</b>
1. Tiền	111 V.01	27.922.290.341	18.918.414.508
<b>II. Các khoản phải trả ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130 V.02</b>	<b>115.002.479.816</b>	<b>92.850.673.675</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	102.532.151.237	86.995.931.917
2. Trái trước cho người bán	132	8.011.284.825	515.560.619
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	4.901.143.754	5.339.181.139
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	(442.100.000)	-
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140 V.03</b>	<b>117.427.434.267</b>	<b>126.563.745.553</b>
1. Hàng tồn kho	141	117.427.434.267	126.563.745.553
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>5.896.574.174</b>	<b>10.512.939.838</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.346.119.450	1.350.124.241
2. Thuế GTGT nộp trước	152	418.318.995	4.444.979.446
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154 V.04	3.534.873.543	4.466.705.928
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	597.262.186	251.130.223
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>235.916.679.139</b>	<b>224.500.007.064</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>34.053.874.652</b>	<b>-</b>
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212 V.05	34.053.874.652	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>191.668.313.499</b>	<b>211.548.750.290</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221 V.06	184.742.711.602	195.034.711.173
- Nguyên giá	222	349.548.753.418	335.722.183.645
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(164.806.041.816)	(140.687.472.472)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	143.074.275	166.048.537
- Nguyên giá	228	462.635.575	1.567.345.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(319.561.300)	(1.401.296.988)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230 V.07	6.782.527.622	16.347.990.580
<b>III Bất động sản hữu形</b>	<b>240</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Các khoản phải trả dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>102.400.000</b>	<b>102.400.000</b>
3. Phải trả dài hạn khác	258	102.400.000	102.400.000
<b>V. Lãi thế thông mai</b>	<b>260</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>	<b>10.092.090.988</b>	<b>12.848.856.774</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271 V.08	10.092.090.988	12.848.856.774
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>502.165.457.737</b>	<b>473.345.780.638</b>

**BẢNG CÂN NỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số: TM	31/12/2007	01/01/2007
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>261.633.853.744</b>	<b>243.848.947.151</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>254.715.009.694</b>	<b>229.510.102.065</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 V.09	209.620.362.861	189.434.028.228
2. Phải trả cho người bán	312 V.10	34.444.814.924	23.674.175.298
3. Người mua trả tiền trước	313 V.10	4.096.743.128	1.440.951.518
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 V.11	3.142.021.135	1.194.528.701
5. Phải trả người lao động	315	2.399.142.587	2.407.688.205
6. Chi phí phải trả	316	736.487.316	309.815.317
7. Phải trả nợ bỏ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319 V.12	275.437.743	11.048.914.798
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn (*)	320	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>6.918.844.050</b>	<b>14.338.845.086</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nợ bỏ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334 V.13	6.882.750.000	14.088.375.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trôi chảy mất việc làm	336	36.094.050	250.470.086
7. Dự phòng phải trả dài hạn (*)	337	-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>239.203.043.962</b>	<b>228.055.978.555</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 V.14</b>	<b>238.006.024.484</b>	<b>227.907.593.555</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	212.000.000.000	199.220.651.767
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	1.095.257.091	-
7. Quy định từ phát triển	417	6.531.353.026	4.302.027.637
8. Quy định phân phối	418	1.095.257.091	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	17.284.157.276	24.384.914.151
<b>II. Nguồn kinh phí và quy khác</b>	<b>430</b>	<b>1.197.019.478</b>	<b>148.385.000</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	1.197.019.478	148.385.000
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CÔNG THẾ SỞ</b>	<b>500</b>	<b>1.328.560.031</b>	<b>1.440.854.932</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>502.165.457.737</b>	<b>473.345.780.638</b>

Biên Hòa, ngày 01 tháng 03 năm 2008

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LIU CHIEN HUNG

TSAN HSUN LIN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	TM	Năm 2007	Năm 2006
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	704.078.519.370	632.087.369.546
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.15	49	542.918.899
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.15	704.078.519.321	631.544.450.647
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	642.588.251.099	557.885.323.759
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		61.490.268.222	73.659.126.888
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	1.878.657.678	433.363.654
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	15.891.229.916	16.185.824.198
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		14.540.509.007	12.925.224.921
8. Chi phí bán hàng	24		6.530.684.408	5.765.683.978
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		25.660.581.572	35.131.616.781
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+(21-22)-(24+25)}	30		15.286.430.004	17.009.365.585
11. Thu nhập khác	31	VI.19	7.130.916.416	4.673.859.376
12. Chi phí khác	32		1.929.833.940	2.149.952.829
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.201.082.476	2.523.906.547
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.487.512.480	19.533.272.132
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.20	-	1.141.863.234
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		20.487.512.480	18.391.408.898
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			(112.294.901)	661.948.478
17.2 Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			20.375.217.579	19.053.357.376
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.000	1.085

Biên Hòa, ngày 01 tháng 03 năm 2008

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LIU CHIEN HUNG

TSAN HSUN LIN

**BÁO CÁO LỒI CHUYỂN TIỀN TỆ**

Niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2007	Năm 2006
<b>I. LỒI CHUYỂN TIỀN TỶ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>20.487.512.480</b>	<b>19.533.272.132</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			<b>39.801.251.185</b>	<b>39.158.695.882</b>
- Khấu hao TSCĐ	02		25.300.650.176	25.514.581.907
- Các khoản đổi phòng	03		(442.100.000)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái có và mất	04		16.241.156	919.429.196
- Lãi, lỗ tài sản cố định	05		(265.197.091)	(200.540.142)
- Chi phí lãi vay	06		15.191.656.944	12.925.224.921
<b>3. Lợi nhuận tài sản cố định hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>60.288.763.665</b>	<b>58.691.968.014</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.659.759.481)	(23.391.369.001)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.160.741.271	18.182.320.417
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.354.575.664	(23.972.984.621)
- Tăng, giảm chi phí tài sản cố định	12		2.760.770.577	3.714.459.205
- Tiền lãi vay nhận được	13		(13.528.063.643)	(12.925.224.921)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn nộp	14		(3.500.000.000)	(4.345.752.852)
- Tiền thu khác tài sản cố định hoạt động kinh doanh	15		297.851.664	2.015.252.000
- Tiền chi khác tài sản cố định hoạt động kinh doanh	16		(1.126.894.896)	(56.778.645)
<b>Lưu chuyển tiền thuần tài sản cố định hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>29.047.984.821</b>	<b>17.911.889.596</b>
<b>II. LỒI CHUYỂN TIỀN TỶ HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP</b>				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(36.512.465.704)	(26.107.537.494)
2. Tiền thu từ thanh lý những bản tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		413.636.363	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi từ các khoản cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi mua góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi mua góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	200.540.142
<b>Lưu chuyển tiền thuần tài sản cố định nông nghiệp</b>	<b>30</b>		<b>(36.098.829.341)</b>	<b>(25.906.997.352)</b>



**BÁO CÁO LỒI CHUYỂN TIỀN TỆ**

Niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2007	Năm 2006
<b>III. LỒI CHUYỂN TIỀN TỶ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		12.779.348.233	35.310.200.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận lãi	33		478.072.271.970	505.472.942.364
4. Tiền chi trả lãi gốc vay	34		(458.411.552.836)	(532.379.051.448)
5. Tiền chi trả lãi thuê tài chính	35		-	-
6. Có lãi, lỗ nhuận lãi trả cho chủ sở hữu	36		(16.391.045.184)	-
<b>Lỗi chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>16.049.022.183</b>	<b>8.404.090.916</b>
<b>Lỗi chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.998.177.663</b>	<b>408.983.160</b>
<b>Tiền và công nợ thuần đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>18.918.414.507</b>	<b>18.509.431.348</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.698.171	-
<b>Tiền và công nợ thuần cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>27.922.290.341</b>	<b>18.918.414.508</b>

Biên Hòa, ngày 01 tháng 03 năm 2008

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LIU CHIEN HUNG

TSAN HSUN LIN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

**I. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu:**

- Công ty Công nghiệp TNHH Tung Kuang là công ty 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép đăng ký số 472033000244 ngày 05 tháng 04 năm 1995 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Nông Nại cấp và các Giấy phép điều chỉnh cho các thay đổi sau:
  - Ngày 12 tháng 01 năm 1998, Công ty Công nghiệp TNHH Tung Kuang thành lập Chi nhánh Công ty Công nghiệp TNHH Tung Kuang tại Tổ 13; Phường Cầu Mang Thang Tầm, Quận Cầu Lộ Tp. Nha Trang;
  - Ngày 10 tháng 06 năm 2002, Công ty Công nghiệp TNHH Tung Kuang thành lập Chi nhánh Công ty Công nghiệp TNHH Tung Kuang tại Hải Đông Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Đông.
  - Ngày 09 tháng 08 năm 2005, Công ty Công nghiệp TNHH Tung Kuang chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang;
  - Ngày 18 tháng 09 năm 2007, Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
- Tổng số công ty con:
 

+ Số lượng công ty con nước ngoài	1
+ Số lượng công ty con không nước ngoài	0
- Thông tin của Công ty con nước ngoài:
  - + Tên Công ty: Công ty TNHH Tung Yang là công ty 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép đăng ký số 35/GP-HD ngày 02 tháng 10 năm 2003 và Giấy phép điều chỉnh số 35/GPNC1-HD ngày 04 tháng 03 năm 2005 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Hải Đông cấp.
  - + Địa chỉ: Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Đông.
  - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 80,00%
  - + Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 80,00%

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

- Sản xuất các sản phẩm nhôm.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất các sản phẩm nhôm đúc thành nhôm, nhôm nguội, nhôm đúc, nhôm đúc và các dịch vụ thiết kế sửa chữa và lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm;
- Sản xuất các phụ kiện phục vụ lắp đặt các sản phẩm bằng nhôm: sợi thủy tinh, bánh xe trượt băng nhôm, tay nắm khóa và bản lề cửa;
- Các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực y tế (giường nhôm cho người tàn tật, xe lăn, giường bệnh viện, tủ thuốc); các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực thể dục thể thao (xe tập thể dục năng lượng, xe đạp nhôm, vợt tennis và các thiết bị khác); xử lý bề mặt các sản phẩm bằng kim loại nhôm (sơn tĩnh điện).
- Thiết kế khuôn mẫu, sản xuất, gia công và lắp đặt các khuôn mẫu kim loại.

**4. Nội dung hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:****5. Nhân sự:**

- Tổng số công nhân viên: 270 người. Nhân viên văn phòng: 25 người.

**II. KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỶ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kế toán:**

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm;

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

- Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán.

**THUYẾT MINH BẢO CẢM TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mã số thuế: VNN

**III. CHUẨN MỐC VÀ CHEA ÑOÀ KEA TOAN AÁP DUNG****1. Chea ñoà kea toan aáp dung:**

- Công ty aáp dung hệ thống kế toán Việt Nam ñộc Bả Tai Chinh ban hành theo QN\_15/2006/QN-BTC ngày 20/03/2006.

**2. Tuyen boá veá vieá tuán thuú Chuán mớck keá toan và Chea ñoà keá toan**

- Ban Giám Ñoá ñá tuán thuú cáck nguyên táck củá cáck chuán mớck keá toan Việt Nam cũng nhó cáck qui ñinh củá chea ñoà keá toan Việt Nam hiện hành trong vieá lập và trình bày cáck bảo cáo tài chính hóp nhất.

**3. Hình thóck keá toan aáp dung:**

- Chóng tóck sốá

**IV. CÁCK CHÍNCK SÁCK KEA TOAN CHUÝ YEÁ****1. Nguyên táck xáck ñinh cáck khoản tién: tién máck, tién góá ngân hàng, tién ñáng chuyén.**

- Nguyên táck xáck ñinh cáck khoản tóck ñóck tién;
- Nguyên táck và phóck pháp chuyén ñóá cáck ñóck tién kháck ra ñóck tién sốá dung trong keá toan.
  - + Cáck nghiệp vui phát sinh báng ngoài teá ñóck chuyén ñóá theo ty giá trị tại ngay phát sinh.
  - + Vàó ngay kết thúc kỳ keá toan, cáck khoản mứck tién, phải thu, phải trả có góá ngoài teá ñóck ñánh giá trị lại theo ty giá trị ngân hàng tại 31/12/2007: 16.114 VNN/USD. Chénck lech ty giá trị phát sinh tóá cáck nghiệp vui này ñóck hách toán vàó Bảo cáo kết quả sáck xuất kinh doanh.

**2. Chínck sáck keá toan ñóá với hàng tóck kho:**

- Nguyên táck ghi nhận hàng tóck kho: Giá trị thóck teá
- Phóck pháp tính giá trị hàng tóck kho: Bình quán giá quyeá;
- Phóck pháp hách toán hàng tóck kho: Kế kháck thóck quyeá;
- Phóck pháp lập ñóá phóck giám giá hàng tóck kho.

**3. Nguyên táck ghi nhận và kháck hao Táck sáck có ñóck:**

- Nguyên táck ghi nhận: Nguyên giá TSCN bao gồm giá mua và chi phí có liên quan ñến vieá ñóá TSCN vàó hoạt ñóck.
- Phóck pháp kháck hao TSCNHH, TSCNVH: theo phóck pháp kháck hao ñóck tháck phú hóp với Quyét ñinh 206/2003/QN-BTC ngày 12/12/2003 củá Bả Tai Chinh Việt Nam.

Ñóá tóck	Nám sốá dung
Nhà xóóck, vật kién trúck	7 - 25
Máy mớck thiết bị	7 - 10
Phóck tién vản táck, truyeá ñáck	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quán lý	4 - 8

**4. Nguyên táck ghi nhận và kháck hao Bả ñóck sáck ñóá tó****5. Keá toán cáck khoản ñóá tó táck chínck****6. Nguyên táck ghi nhận và vón hóá cáck khoản chi phí ñi vay****7. Nguyên táck ghi nhận và vón hóá cáck khoản chi phí kháck**

- Chi phí trả tróck ñáck hạn;
- + Công cũ, dụng cũ, Phí dịch vụ ISO và cáck khoản kháck: Công cũ, dụng cũ ñáck ñóá vàó sốá dung ñóck phán bóá vàó chi phí trong kỳ theo phóck pháp ñóck tháck;

**8. Nguyên táck ghi nhận chi phí phải trả**

- Cáck khoản chi phí phải trả ñóck ghi nhận ñóá trên cáck óck tính hóp lý và sốá tién phải trả cho hàng hóá - dịch vụ ñáck sốá dung trong kỳ hoặc ñóck trích tróck ñáck khóck gây ñóá bién cho chi phí sáck xuất kinh doanh trên có sốá ñáck bảo nguyên táck phú hóp giữa doanh thu và chi phí;

**9. Nguyên táck và phóck pháp ghi nhận cáck khoản ñóá phóck phải trả**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng: Doanh thu được ghi nhận khi Nôn vì coi được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng và số tiền thu về được xác định tổng nội các chắc. Tại thời điểm ghi nhận doanh thu Nôn vì nội hoàn thành việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua, đồng thời xác định được chi phí có liên quan;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Khi coi được xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức nội hoàn thành công việc. Mức nội hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho một hợp đồng. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chờ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí nội được ghi nhận;
- Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (coi tính đến lãi tức mà tại sản phẩm lãi) trở khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính****13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại****14. Các nghiệp vụ đối phòng rủi ro hối hối****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****V.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
a) <i>Tiền mặt</i>	352.000.747	1.183.098.131
- Công ty CP CN Tung Kuang	329.595.174	1.145.107.141
- Công ty TNHH Tung Yang	22.405.573	37.990.990
b) <i>Tiền gửi ngân hàng</i>	27.570.289.594	17.735.316.377
- Công ty CP CN Tung Kuang	20.674.185.386	14.379.406.076
- Công ty TNHH Tung Yang	6.896.104.208	3.355.910.301
c) <i>Tiền đang chuyển</i>	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.922.290.341</b>	<b>18.918.414.508</b>

**V.02 Các khoản phải thu ngắn hạn**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
a) <i>Phải thu khách hàng</i>	102.532.151.237	86.995.931.917
- Công ty CP CN Tung Kuang	95.976.472.238	84.087.178.548
- Công ty TNHH Tung Yang	6.555.678.999	2.908.753.369
b) <i>Trái trước cho người bán</i>	8.011.284.825	515.560.619
- Công ty CP CN Tung Kuang	7.841.385.270	515.560.619
- Công ty TNHH Tung Yang	169.899.555	-
c) <i>Phải thu nội bộ ngắn hạn</i>	-	-
d) <i>Phải thu theo tiến nội kế hoạch hợp đồng xây dựng</i>	-	-
e) <i>Các khoản phải thu khác</i>	4.901.143.754	5.339.181.139
+ Công ty CP CN Tung Kuang	4.536.607.451	5.339.181.139
+ Công ty TNHH Tung Yang	364.536.303	-
f) <i>Đối phòng các khoản phải thu khó đòi (*)</i>	(442.100.000)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>115.002.479.816</b>	<b>92.850.673.675</b>

**V.03 Hàng tồn kho**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
a) <i>Hàng mua đang đi trên đường</i>	341.972.024	18.302.242.433

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

- Công ty CP CN Tung Kuang	136.872.000	18.302.242.433
- Công ty TNHH Tung Yang	205.100.024	-
<b>b) Nguyên liệu, vật liệu</b>	<b>41.858.112.023</b>	<b>38.788.911.549</b>
- Công ty CP CN Tung Kuang	38.716.060.179	36.219.765.765
- Công ty TNHH Tung Yang	3.142.051.844	2.569.145.784
<b>c) Công cụ, dụng cụ</b>	<b>665.539.598</b>	<b>575.102.927</b>
- Công ty CP CN Tung Kuang	183.198.733	285.768.664
- Công ty TNHH Tung Yang	482.340.865	289.334.263
<b>d) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang</b>	<b>29.973.769.265</b>	<b>24.062.028.287</b>
- Công ty CP CN Tung Kuang	28.648.447.460	22.837.210.484
- Công ty TNHH Tung Yang	1.325.321.805	1.224.817.803
<b>e) Thanh phẩm</b>	<b>44.588.041.360</b>	<b>43.539.262.099</b>
- Công ty CP CN Tung Kuang	42.084.448.458	42.908.055.400
- Công ty TNHH Tung Yang	2.503.592.902	631.206.699
<b>f) Hàng hóa</b>	<b>2.236.838.992</b>	<b>2.320.628.243</b>
- Công ty CP CN Tung Kuang	2.236.838.992	2.320.628.243
- Công ty TNHH Tung Yang	-	-
<b>g) Hàng gửi nợ bán</b>	-	-
<b>h) Hàng hóa kho bãi thuê</b>	-	-
<b>i) Hàng hóa bán nông sản</b>	-	-
<b>j) Nợ chi nhánh chưa chốt hiện</b>	<b>(2.236.838.995)</b>	<b>(1.024.429.985)</b>
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>117.427.434.267</b>	<b>126.563.745.553</b>

## V.04 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Nội tổng	31/12/2007	01/01/2007
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thuế	3.534.873.543	3.999.689.716
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	467.016.212
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.534.873.543</b>	<b>4.466.705.928</b>

## V.05 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc

Nội tổng	31/12/2007	01/01/2007
+ Công ty CP CN Tung Kuang - CN Nhân Trách	34.053.874.652	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.053.874.652</b>	<b>-</b>

## V.06 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phông tiền văn phòng, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐHH</b>					
- Tài 01/01/2007	70.161.918.346	254.480.799.887	6.685.794.020	4.393.671.392	335.722.183.645
+ Mua trong kỳ	873.658.583	7.858.196.905	1.337.377.209	236.920.137	10.306.152.834
+ Nhập từ XDCBHT	5.313.414.272	-	-	-	5.313.414.272
+ Thanh lý nhôon	-	-	(798.451.931)	-	(798.451.931)
+ Giảm khác	-	(408.560.830)	-	(585.984.572)	(994.545.402)
- Tài 31/12/2007	76.348.991.201	261.930.435.962	7.224.719.298	4.044.606.957	349.548.753.418
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
- Tài 01/01/2007	15.068.566.683	119.329.843.477	3.056.778.299	3.232.284.013	140.687.472.472
+ Khai hao	3.742.707.877	20.474.528.108	723.115.758	349.237.228	25.289.588.971
+ Thanh lý nhôon	-	-	(236.815.839)	-	(236.815.839)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

+ Giảm khác	-	(386.087.948)	-	(548.115.840)	(934.203.788)
- Tài 31/12/2007	18.811.274.560	139.418.283.637	3.543.078.218	3.033.405.401	164.806.041.816
<b>Gia trị còn lại của TSCNHH</b>					
- Tài 01/01/2007	55.093.351.663	135.150.956.410	3.629.015.721	1.161.387.379	195.034.711.173
- Tài 31/12/2007	57.537.716.641	122.512.152.325	3.681.641.080	1.011.201.556	184.742.711.602
- Nguyên giá của TSCNHH nội dung nội thầu chấp, cam có và năm báo cáo khoản vay:					-
- Nguyên giá TSCNHH cuối năm nội thầu hao hết không còn sử dụng tại Đơn vị:					83.264.692.264

## V.07 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
- Công ty CP CN Tung Kuang	-	11.620.401.263
- Công ty TNHH Tung Yang	6.782.527.622	4.727.589.317
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.782.527.622</b>	<b>16.347.990.580</b>

## V.08 Chi phí trả trước dài hạn

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
- Số dư đầu năm	12.848.856.774	15.570.691.498
- Tăng trong năm	16.536.643.290	11.704.174.917
- Nội kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	19.277.103.876	13.169.293.317
- Giảm khác	16.305.200	1.256.716.324
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.092.090.988</b>	<b>12.848.856.774</b>

## Trong đó

- Công ty CP CN Tung Kuang	<b>6.346.840.409</b>	<b>8.182.714.642</b>
+ Phôi tung, vật liệu phôi	1.965.419.764	4.125.259.127
+ Chi phí khuôn mẫu	3.801.670.566	3.041.527.025
+ Công cụ, dụng cụ	579.750.079	825.895.850
+ Chi phí quảng cáo	-	190.032.640
- Công ty CP CN Tung Kuang - CN Hải Đông	<b>3.566.902.772</b>	<b>4.242.942.643</b>
+ Chi phí sản lập mẫu bằng	445.698.668	891.397.342
+ Chi phí dịch vụ ISO	87.875.252	121.206.561
+ Công cụ, dụng cụ	2.857.676.929	3.025.275.738
+ Khác	175.651.923	205.063.002
- Công ty TNHH Tung Yang	<b>178.347.807</b>	<b>423.199.489</b>
+ Chi phí trước hoạt động	11.038.848	44.155.389
+ Chi phí bảo dưỡng khuôn mẫu	26.068.533	47.717.142
+ Công cụ, dụng cụ	141.240.426	331.326.958

## V.09 Vay và nợ ngắn hạn

<b>Nội tổng</b>	<b>USD (#)</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
a) Vay ngắn hạn		209.620.362.861	120.067.916.103
- Công ty CP CN Tung Kuang	13,008,586.50	209.620.362.861	120.067.916.103
b) Nợ dài hạn nên hạn trả		-	69.366.112.125
- Công ty CP CN Tung Kuang		-	69.366.112.125
<b>Tổng cộng</b>		<b>209.620.362.861</b>	<b>189.434.028.228</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

(#): Các khoản tiền USD bằng ngoại tệ của VNĐ tại thời điểm 31/12/2007.

**V.10 Phải trả cho người bán & Người mua trả tiền trước**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
<b>a) Phải trả cho người bán</b>	<b>34.444.814.924</b>	<b>23.674.175.297</b>
- Công ty CP CN Tung Kuang	19.581.370.265	17.132.281.588
- Công ty TNHH Tung Yang	14.863.444.659	6.541.893.709
<b>b) Người mua trả tiền trước</b>	<b>4.096.743.128</b>	<b>1.440.951.519</b>
- Công ty CP CN Tung Kuang	487.183.531	613.579.686
- Công ty TNHH Tung Yang	3.609.559.597	827.371.833
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.541.558.052</b>	<b>25.115.126.816</b>

**V.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
- Thuế GTGT	1.960.636.992	828.757.043
+ Công ty CP CN Tung Kuang	1.960.636.992	828.757.043
+ Công ty TNHH Tung Yang	-	-
- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	621.835.234	288.135.046
+ Công ty CP CN Tung Kuang	80.726.628	11.183.940
+ Công ty TNHH Tung Yang	541.108.606	276.951.106
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	75.985.089	77.636.612
+ Công ty CP CN Tung Kuang	72.492.731	74.220.987
+ Công ty TNHH Tung Yang	3.492.358	3.415.625
- Các loại thuế khác	483.563.820	-
+ Công ty CP CN Tung Kuang	483.563.820	-
+ Công ty TNHH Tung Yang	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.142.021.135</b>	<b>1.194.528.701</b>

(\*): Theo Công văn số 8636/BTC-TCNN ngày 08 tháng 07 năm 2005 của Bộ tài chính, Công ty nộp giảm 50% thuế Thu nhập doanh nghiệp cho 05 năm tiếp theo kết thúc năm 2004. Theo nội thuế thu nhập doanh nghiệp nộp giảm 50% của các năm như sau:

+ Năm 2004 và 2005	2.655.460.940
+ Năm 2006	809.877.313
+ Năm 2007	1.098.999.379
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.564.337.632</b>

- Tuy nhiên, Cục thuế tỉnh Nghệ An chưa thông nhất về việc giảm thuế của công văn này. Do nội khi kiểm tra quyết toán thuế năm 2004 và 2005, Cơ quan thuế địa phương đã coi Quyết định xử lý vi phạm về Thuế số 764/QĐ-BTC ngày 14/12/2006 và Thông báo nộp thuế số 09/CT-DN2 ngày 28/11/2006 về việc truy thu khoản thuế TNDN năm 2004-2005. Nên nay Đơn vị vẫn chưa ghi nhận và nộp các khoản thuế trên.

**V.12 Các khoản phải trả phải nộp khác**

<b>Nội tổng</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	163.162.350	40.529.800
+ Công ty CP CN Tung Kuang	107.907.590	40.529.800
+ Công ty TNHH Tung Yang	55.254.760	-
- Kinh phí công nhân	1.393.580	-
+ Công ty CP CN Tung Kuang	485.000	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

+ Công ty TNHH Tung Yang	908.580	-
- Các khoản phải trả phải nộp khác	110.881.813	11.008.384.998
+ Công ty CP CN Tung Kuang	59.722.993	10.960.866.290
+ Công ty TNHH Tung Yang	51.158.820	47.518.708
<b>Tổng cộng</b>	<b>275.437.743</b>	<b>11.048.914.798</b>

## V.13 Vay và nợ dài hạn

Nội tổng	USD (#)	31/12/2007	01/01/2007
a) Vay dài hạn		6.882.750.000	14.088.375.000
- Vay ngân hàng		6.882.750.000	14.088.375.000
+ Công ty CP CN Tung Kuang	375,000.00	6.042.750.000	14.088.375.000
+ Công ty TNHH Tung Yang (*)		840.000.000	-
b) Nợ dài hạn		-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.882.750.000</b>	<b>14.088.375.000</b>

(#): Các khoản tiền USD là gốc ngoại tệ của VNĐ tại thời điểm 31/12/2007.

(\*): Hợp đồng tín dụng số CFHNLC-M/0027/09/2007 ngày 03/10/2007 với lãi suất là 10,5%/năm. Ngày trả lãi là 03/10/2012. Mục đích vay là bổ sung vốn xây dựng xóông sản xuất.

## V.14 Vốn chủ sở hữu

## a) Bảng nội chiểu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư chủ sở hữu		Các Quy định Doanh nghiệp	Lợi nhuận chóa phân phối	Tổng cộng
	hữu	hối ngoại			
- Tại 01/01/2006	163.910.451.767	-	2.330.120.637	5.421.647.199	171.662.219.603
+ Tăng vốn	35.310.200.000	-	-	-	35.310.200.000
+ Lãi năm trước	-	-	-	19.415.838.883	19.415.838.883
+ Tăng khác	-	-	1.971.907.000	-	1.971.907.000
+ Giảm vốn	-	-	-	-	-
+ Lãi năm trước	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	-	(452.571.931)	(452.571.931)
- Tại 31/12/2006	199.220.651.767	-	4.302.027.637	24.384.914.151	227.907.593.555
+ Tăng vốn	12.779.348.233	-	-	-	12.779.348.233
+ Lãi kỳ nay	-	-	-	20.487.512.480	20.487.512.480
+ Tăng khác	-	940.643.784	4.419.839.571	278.286.456	5.638.769.811
+ Giảm vốn	-	-	-	-	-
+ Lãi kỳ nay	-	-	-	-	-
+ Giảm khác (*)	-	(940.643.784)	-	(27.866.555.811)	(28.807.199.595)
- Tại 31/12/2007	212.000.000.000	-	8.721.867.208	17.284.157.276	238.006.024.484

## (\*) Trong đó:

- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	2.229.325.389
- Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	1.095.257.091
- Trích lập Vốn khác của chủ sở hữu	1.095.257.091
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.095.257.091
- Trích lập Các tài sản phải trả năm 2006	16.391.045.184
- Thuế TNDN từ 01/01/2004 đến 30/09/2006	3.964.816.173
- Lợi ích của công nghiệp thiếu số	1.328.560.031
- Khác	667.037.761



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

## b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Nội tổng	Tỷ lệ	Theo Giấy phép đầu tư	Nguồn gốc	Còn phải góp
- Vốn góp của các nội tổng khác		212.000.000.000	212.000.000.000	-
+ Rich International L.L.C	76,03%	161.187.760.000	161.187.760.000	-
+ Ông Tsan Hsun Lin	2,03%	4.307.200.000	4.307.200.000	-
+ Ông Jan Chun Shion	1,31%	2.786.470.000	2.786.470.000	-
+ Ông Liu Chen Hung	3,05%	6.474.460.000	6.474.460.000	-
+ Bà Hsu Shu Hui	1,31%	2.786.470.000	2.786.470.000	-
+ Ông Liu Chen Lin	0,77%	1.639.100.000	1.639.100.000	-
+ Các công nợ khác	15,48%	32.818.540.000	32.818.540.000	-
<b>Cộng Vốn đầu tư của CSH</b>	<b>100,00%</b>	<b>212.000.000.000</b>	<b>212.000.000.000</b>	<b>-</b>

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Nội tổng	Năm 2007	Năm 2006
- Vốn đầu tư của các chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	199.220.651.767	163.910.451.767
+ Vốn góp tăng trong năm	12.779.348.233	35.310.200.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	212.000.000.000	199.220.651.767
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.391.045.184	-

## d) Cổ tức

Nội tổng	Năm 2007	Năm 2006
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cơ sở phiếu phổ thông:		
+ Cổ tức đã công bố trên cơ sở ưu đãi:		
- Cổ tức của cơ sở ưu đãi lũy kế chưa nộp ghi nhận:		

## n) Cổ phiếu

Nội tổng	31/12/2007	01/01/2007
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.200.000	19.922.065
+ Cổ phiếu phổ thông	21.200.000	19.922.065
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.200.000	19.922.065
+ Cổ phiếu phổ thông	21.200.000	19.922.065
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

## e) Các quy định doanh nghiệp

Nội tổng	31/12/2007	01/01/2007
- Quy định tổ phát triển	6.531.353.026	4.302.027.637
- Quy định phòng tài chính	1.095.257.091	-
- Quy định khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.095.257.091	-

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## VI.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nội tổng	Năm 2007	Năm 2006
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>706.020.596.907</b>	<b>632.087.369.546</b>
- Doanh thu bán hàng	712.792.135.146	650.530.180.473

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

+ Công ty CP CN Tung Kuang	674.480.583.727	626.209.210.850
+ Công ty TNHH Tung Yang	38.311.551.419	24.320.969.623
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.002.468.816	13.240.741.282
+ Công ty CP CN Tung Kuang	30.005.615.608	12.508.216.165
+ Công ty TNHH Tung Yang	3.996.853.208	732.525.117
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	6.113.780.524
+ Công ty CP CN Tung Kuang	-	-
+ Công ty TNHH Tung Yang	-	6.113.780.524
- Thuế chênh lệch giá dịch vụ	(40.774.007.055)	(37.797.332.733)
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>49</b>	<b>542.918.899</b>
- Giảm giá hàng bán	49	336.101.426
+ Công ty CP CN Tung Kuang	-	336.092.037
+ Công ty TNHH Tung Yang	49	9.389
- Hàng bán bị trả lại	-	206.817.473
+ Công ty CP CN Tung Kuang	-	206.817.473
+ Công ty TNHH Tung Yang	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>706.020.596.858</b>	<b>631.544.450.647</b>

## VI.16 Doanh thu hoạt động tài chính

Nội tổng	Năm 2007	Năm 2006
- Lợi tiền gửi, tiền cho vay	384.169.815	287.893.750
+ Công ty CP CN Tung Kuang	362.703.306	268.921.519
+ Công ty TNHH Tung Yang	21.466.509	18.972.231
- Lợi mua tổ trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lợi bán ngoại tệ	-	-
- Lợi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	1.455.846.435	145.469.904
+ Công ty CP CN Tung Kuang	1.348.899.546	120.581.131
+ Công ty TNHH Tung Yang	106.946.889	24.888.773
- Lợi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	38.641.428	-
+ Công ty CP CN Tung Kuang	38.641.428	-
+ Công ty TNHH Tung Yang	-	-
- Lợi bán hàng trả chậm	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.878.657.678</b>	<b>433.363.654</b>

## VI.17 Giá vốn hàng bán

Nội tổng	Năm 2007	Năm 2006
- Giá vốn của hàng hóa bán	888.322.346	2.094.085.311
+ Công ty CP CN Tung Kuang	888.322.346	2.094.085.311
+ Công ty TNHH Tung Yang	-	-
- Giá vốn của thành phẩm bán	657.324.079.824	575.851.320.966
+ Công ty CP CN Tung Kuang	617.134.602.672	547.865.514.243
+ Công ty TNHH Tung Yang	40.189.477.152	27.985.806.723
- Giá vốn của dịch vụ bán cung cấp	24.855.094.526	16.712.820.230
+ Công ty CP CN Tung Kuang	22.277.297.956	12.141.944.155
+ Công ty TNHH Tung Yang	2.577.796.570	4.570.876.075

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

- Nợ chi các giao dịch nội bộ	(40.774.007.055)	(37.797.332.733)
- Nợ chi tăng giá vốn, giảm lợi nhuận chưa thực hiện	2.236.838.995	1.024.429.985
<b>Tổng cộng</b>	<b>644.530.328.636</b>	<b>557.885.323.759</b>

**VI.18 Chi phí tài chính**

<b>Nội tổng</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
- Lợi tức vay	14.558.884.007	12.925.224.921
+ Công ty CP CN Tung Kuang	14.540.509.007	12.925.224.921
+ Công ty TNHH Tung Yang	18.375.000	-
- Lợi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	1.277.463.325	2.599.599.426
+ Công ty CP CN Tung Kuang	1.125.835.762	2.599.599.426
+ Công ty TNHH Tung Yang	151.627.563	-
- Lợi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	54.882.584	660.999.851
+ Công ty CP CN Tung Kuang	-	603.077.927
+ Công ty TNHH Tung Yang	54.882.584	57.921.924
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.891.229.916</b>	<b>16.185.824.198</b>

**VI.19 Thu nhập khác**

<b>Nội tổng</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
- Phí liệu	5.341.522.366	3.589.791.937
+ Công ty CP CN Tung Kuang	4.131.818.041	2.271.907.661
+ Công ty TNHH Tung Yang	1.209.704.325	1.317.884.276
- Lợi thanh lý TSCĐ	268.191.818	-
+ Công ty CP CN Tung Kuang	127.272.727	-
+ Công ty TNHH Tung Yang	140.919.091	-
- Khác	1.521.202.232	1.084.067.439
+ Công ty CP CN Tung Kuang	164.848.033	940.461.463
+ Công ty TNHH Tung Yang	1.356.354.199	143.605.976
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.130.916.416</b>	<b>4.673.859.376</b>

**VI.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

<b>Nội tổng</b>	<b>Văn phong</b>	<b>CN Hải Đông</b>	<b>Tung Yang</b>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.547.087.454	8.632.456.367	(561.474.507)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	343.607.788	-	54.882.584
+ Các khoản điều chỉnh tăng	304.966.360	-	54.882.584
Chi phí không hợp lý hợp lệ	304.966.360	-	-
Lợi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	-	-	54.882.584
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(38.641.428)	-	-
Lợi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(38.641.428)	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	14.890.695.242	8.632.456.367	(506.591.923)
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%	10%
- Thuế TNDN phải nộp	2.233.604.286	1.294.868.455	-
- Giảm 50% theo CV_8636 (a)	1.116.802.143	-	-
- Giảm 50% theo CV_11924 & CV_5248 (b)	1.116.802.143	-	-
- Miễn thuế TNDN (c)	-	1.294.868.455	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	-	-	-
- Nhiều phần chi phí TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**- Công ty CP CN Tung Kuang**

(a) Khoản Thuế TNDN được giảm theo Công văn số 8636/BTC-TCNN ngày 08 tháng 07 năm 2005 của Bộ tài chính, được giảm 50% cho 05 năm tiếp theo kết từ năm 2004. Tuy nhiên, Cục thuế tỉnh Nghệ An chỉ cho thông nhất với Đơn vị và khoản giảm thuế này;

(b) Khoản Thuế TNDN được giảm theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5248/TC-CST ngày 29 tháng 04 năm 2005 của Bộ tài chính và Ủy ban thuế TNDN với tài chính niêm yết thì không công nhận. Đơn vị được chính thức chấp nhận hàng ký giao dịch có phiếu theo Quyết định số 11/QĐ-TTGDHN ngày 21 tháng 04 năm 2006.

**- Công ty CP CN Tung Kuang - CN Hải Đông**

(c) Thuế suất T.TNDN là 15% trong 12 năm tính đến hết ngày 10 tháng 06 năm 2013; và 25% kể từ 10/ 06/2013 đến hết 05/04/2045. Sau thời hạn trên, Chi nhánh thực hiện theo quy định tại thời điểm nộp thuế

(c) Chi nhánh được miễn T.TNDN trong vòng 04 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2005 đến hết năm 2008 và giảm 50% T.TNDN trong 04 năm tiếp theo từ năm 2009 đến năm 2012.

**- Công ty TNHH Tung Yang**

Công ty được miễn Thuế TNDN trong 04 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003. Sau khi hết thời hạn miễn, giảm thuế Công ty công nhận vui nộp Thuế TNDN với mức thuế suất 10% trên tổng thu nhập chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
2. Những số kiến phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm 2007, đơn vị có công nghiệp vui với các bên liên quan:

**a) Phải thu**

Nội tổng	Tại 01/01/2007	Phải thu trong kỳ	Nợ thu trong kỳ	Tại 31/12/2007
- Bloomy International L.L.C	235.551.403	-	235.551.403	-
+ Phí sử dụng nhãn hiệu	235.551.403	-	235.551.403	-

**b) Phải trả**

Nội tổng	Tại 01/01/2007	Phải trả trong kỳ	Nợ trả trong kỳ	Tại 31/12/2007
- Rich International L.L.C	13.497.483.106	803.800.041	14.301.283.147	-
+ Phí dịch vụ tổ vận	10.255.707.130	803.800.041	11.059.507.171	-
+ Phí sử dụng nhãn hiệu	3.241.775.976	-	3.241.775.976	-
- Bloomy International L.L.C	3.321.246.407	8.619.320.096	5.672.863.769	6.267.702.734
+ Phí sử dụng nhãn hiệu	3.321.246.407	8.619.320.096	5.672.863.769	6.267.702.734

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực nhà lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"
5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trên Báo cáo tài chính của các kỳ kế toán trước)
  - Năm 2007, số dư tại 01/01/2007 được căn cứ trên báo cáo tài chính năm trước của đơn vị kiểm toán bởi Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A & C) và phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo năm nay.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Nôn và tính: VNĐ

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Nhơn Trạch bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 02/10/2007 và Nôn và tính theo chế độ kế toán của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang. Do nội dung Báo cáo tài chính này chưa bao gồm số liệu của Chi nhánh Nhơn Trạch.

6. Thông tin về hoạt động liên tục
7. Những thông tin khác

*Biên Hòa, ngày 01 tháng 03 năm 2008*

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

LIU CHIEN HUNG

TSAN HSUN LIN